

GIÁO DỤC VÀ VĂN HÓA TRONG KỶ NGUYÊN SỐ: ĐỔI MỚI VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN VIỆT QUÂN
Học viện Chính trị khu vực III

Nhận bài ngày 04/9/2025. Sửa chữa xong 27/9/2025. Duyệt đăng 07/10/2025.

Abstract

Education, culture, and the digital age are closely interrelated. In response to the demand for fundamental and comprehensive innovation in education and training as outlined in Resolution 29-NQ/TW, educational reform associated with the preservation of cultural values has become a core issue toward sustainable development. With the rapid advancement of digital technology, educational methods and content have undergone profound changes, creating both opportunities and challenges. This paper proposes several integrated solutions that combine technology, education, and culture on the foundation of digital transformation, thereby contributing to the development of a modern, humanistic, and culturally distinctive education system in the era of globalization.

Keywords: Culture, digital age, digital technology, education, sustainable development.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI đang tạo ra những thay đổi sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực giáo dục và văn hóa. Trong bối cảnh đó, việc đặt lại vấn đề về vai trò của giáo dục và văn hóa như hai trụ cột then chốt của phát triển bền vững là một yêu cầu tất yếu của mỗi quốc gia trong xây dựng chiến lược phát triển của mình. Vậy, làm thế nào để giáo dục và văn hóa không chỉ thích nghi mà còn dẫn dắt sự chuyển đổi trong kỷ nguyên số? Đây không chỉ là một câu hỏi mang tính lý luận mà còn là thách thức thực tiễn đang đặt ra cho mọi quốc gia, nhất là những nước đang phát triển như Việt Nam, nơi mà yêu cầu vừa bắt kịp xu hướng toàn cầu, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc luôn là mối quan tâm hàng đầu.

Trong điều kiện công nghệ số lan tỏa mạnh mẽ, giáo dục không đơn thuần là truyền đạt tri thức theo cách truyền thống mà còn phải trang bị cho con người năng lực tư duy phản biện, khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường số và tinh thần học tập suốt đời. Đồng thời, văn hóa không chỉ giữ vai trò bồi dưỡng hệ giá trị, bản sắc và nhân cách con người mà còn trở thành nguồn lực nội sinh, sức mạnh mềm giúp định hướng xã hội trước những biến động nhanh chóng của toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Có thể nói, chính sự kết hợp hài hòa giữa giáo dục tiên tiến và văn hóa giàu bản sắc sẽ tạo thành động lực thúc đẩy phát triển bền vững, bảo đảm cho Việt Nam vừa hội nhập quốc tế sâu rộng, vừa giữ vững căn tính dân tộc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giáo dục và văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số

2.1.1. Bản chất của kỷ nguyên số và tác động đến giáo dục, văn hóa

Kỷ nguyên số là giai đoạn mà công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đóng vai trò trung tâm trong sản xuất tri thức, quản lý thông tin và tổ chức xã hội. Kỷ nguyên số (Digital Era) được định nghĩa là giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, trong đó công nghệ kỹ thuật số trở thành nền tảng cốt lõi chi phối cách con người sống, học tập, làm việc, giao tiếp và tổ chức xã hội. Khác với các cuộc Cách mạng công nghiệp trước đây, cách mạng số không chỉ liên quan đến máy móc và năng lượng mà trực tiếp liên

Email: tranvietquan62@gmail.com

quan đến thông tin và tri thức, đây là hai yếu tố cấu thành bản chất của đời sống xã hội hiện đại. Chúng ta có thể nhận diện kỷ nguyên số qua một số đặc trưng nổi bật như sau: - Là tốc độ thay đổi nhanh chóng (exponential change) của xã hội; - Tính kết nối toàn cầu hóa cao (ubiquitous connectivity); - Là sự hội tụ giữa ba yếu tố, đó là công nghệ, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (datafication and AI convergence). Những đặc trưng này sẽ tác động đồng thời đến kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, đạo đức. Nói cách khác, thế giới hiện nay đang chuyển dịch từ mô hình “xã hội công nghiệp” sang “xã hội tri thức” đến “xã hội số”, nơi mà dữ liệu trở thành tài sản chiến lược, tri thức được mã hóa và sự thông minh hóa các hệ thống là xu hướng chủ đạo [5, tr. 157].

Trong lĩnh vực giáo dục, chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở việc số hóa tài liệu hay dạy học trực tuyến mà còn bao hàm sự thay đổi toàn diện về tư duy, phương pháp và cấu trúc của hệ thống giáo dục. Đảng ta xác định giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ “Là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt” [4, tr. 136]. Các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), thực tế ảo (VR/AR), và học tập cá nhân hóa đang tái cấu trúc cách con người tiếp cận tri thức. Điều này mở ra cơ hội lớn cho giáo dục nhưng cũng tạo ra khoảng cách số, bất bình đẳng trong tiếp cận và nguy cơ phi nhân hóa giáo dục nếu không được định hướng đúng đắn.

Kỷ nguyên số đã, đang và sẽ tiếp tục định hình lại toàn bộ hệ sinh thái giáo dục, từ triết lý giáo dục, nội dung, phương pháp, mô hình tổ chức đến vai trò của người học và người dạy. Theo báo cáo của World Bank (2020), sự chuyển đổi sang giáo dục số không chỉ là xu hướng mà là điều kiện sống còn để hệ thống giáo dục quốc gia không bị tụt hậu trong cạnh tranh toàn cầu. Kỷ nguyên số nó sẽ đem lại cho mọi quốc gia không ít cơ hội nhưng đồng thời cũng đi liền với những thách thức không nhỏ.

Về cơ hội, kỷ nguyên số sẽ mở rộng quyền tiếp cận học tập suốt đời (lifelong learning) thông qua MOOC, nền tảng số (Coursera, Khan Academy...). Cá nhân hóa trải nghiệm học tập nhờ dữ liệu học tập và trí tuệ nhân tạo. Đa dạng hóa phương pháp dạy học, kết hợp trực tuyến, tương tác và mô phỏng thực tế. Kỷ nguyên số sẽ góp phần tối ưu hóa quản trị giáo dục qua hệ thống LMS, quản trị dữ liệu lớn, phân tích hiệu quả học tập. Đồng thời, kỷ nguyên số sẽ tác động tích cực đến xã hội như góp phần thúc đẩy giao lưu và tiếp biến văn hóa toàn cầu, hình thành các bản sắc đa tầng (glocal identity). Trên thực tế, hiệu quả của kỷ nguyên số cho thấy, việc số hóa di sản và truyền thông văn hóa một cách hiệu quả và thiết thực, đặc biệt trong các lĩnh vực như bảo tàng số, thực tế ảo lịch sử, phim tài liệu tương tác. Hiệu quả này sẽ thúc đẩy sáng tạo văn hóa và công nghiệp sáng tạo, tạo sinh kế và đổi mới trong nghệ thuật, du lịch, quảng bá hình ảnh, di sản và thể mạnh của địa phương.

Bên cạnh những thuận lợi thì kỷ nguyên số cũng đặt ra những thách thức, đó là tạo khoảng cách số giữa các vùng, tầng lớp xã hội, đặc biệt là ở các nước đang phát triển như Việt Nam. Hơn nữa, một trong những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi số trong giáo dục là thiếu kiến thức và kỹ năng công nghệ. Ít nhà giáo dục có hiểu biết toàn diện về cách sử dụng các công cụ và giải pháp kỹ thuật số trong hoạt động dạy và học [3]. Thực trạng này sẽ dẫn đến các trường học thiếu năng lực số ở giáo viên và học sinh, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới. Đồng thời, kỷ nguyên số còn tiềm ẩn nguy cơ phi nhân hóa giáo dục, một khi công nghệ lấn át yếu tố con người, giảm tương tác cảm xúc, xã hội. Thêm vào đó là sự khủng hoảng thông tin và chất lượng học liệu, do thiếu kiểm chứng và bảo hòa nội dung trên mạng. Do vậy, giáo dục trong kỷ nguyên số vừa là cơ hội chiến lược vừa là phép thử về năng lực thể chế, chính sách và sự thích nghi văn hóa, đạo đức và kỹ thuật của toàn xã hội. Nguy cơ xâm thực văn hóa như chạy theo lối sống phương Tây, văn hóa giải trí đại chúng chi phối hành vi thanh niên, làm suy giảm giá trị truyền thống [6, tr. 34]. Một khi kỷ nguyên số phát triển ồ ạt, thiếu cơ chế và công nghệ sẽ dẫn đến mất kiểm soát, lúc đó các nội dung văn hóa độc hại dễ dàng xâm nhập vào xã hội, len lỏi vào học đường tạo ra hiện tượng bạo lực, khiêu dâm, tin giả... lan truyền dễ dàng, đặc biệt trên nền tảng như TikTok, YouTube. Vấn nạn này sẽ làm suy giảm năng lực phản tư, thẩm mỹ văn hóa của người dân, nhất là đối tượng học sinh, sinh viên do tiếp cận nhanh nhưng thiếu chiều sâu và hướng dẫn giá trị. Ngoài ra, kỷ nguyên số sẽ tác động trực tiếp đến văn hóa như đối lưu giá trị hay đồng hóa bản sắc. Không gian số là nơi diễn ra một quá trình được gọi là đối lưu văn hóa (cultural circulation), trong đó

các giá trị, biểu tượng, thẩm mỹ và chuẩn mực từ nhiều nền văn hóa được trao đổi, tương tác, tái cấu trúc. Nói như Manuel Castells "Internet chính là không gian văn hóa của thế kỷ XXI". Văn hóa trong kỷ nguyên số vì thế vừa cần được bảo tồn có chủ đích, vừa cần được chuyển hóa sáng tạo để không trở thành "ký ức đóng băng" mà trở thành "nguồn lực sống động" phục vụ phát triển bền vững.

Trong quá trình hội nhập toàn cầu, kỷ nguyên số mang lại cho các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam một cơ hội chưa từng có để rút ngắn khoảng cách phát triển, nếu biết tận dụng công nghệ như đòn bẩy để đổi mới thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và gìn giữ bản sắc văn hóa. Trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta chỉ rõ, cần: "Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số. Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ..." [4, tr. 37]. Tuy vậy, nếu không có chiến lược rõ ràng, Việt Nam cũng có nguy cơ bị "tụt hậu kỹ thuật số" và "mất phương hướng văn hóa". Điều này càng đáng lo ngại trong bối cảnh: Mức độ sẵn sàng chuyển đổi số của giáo dục và văn hóa còn thấp [2, tr. 12]; Pháp lý và chính sách quản trị văn hóa số chưa theo kịp thực tiễn; Thiếu lực lượng chuyên gia giao thoa văn hóa, công nghệ, giáo dục có năng lực thiết kế chính sách và hành động cụ thể. Do đó, kỷ nguyên số đặt ra yêu cầu cấp bách về "chuyển đổi nhận thức", "chuyển đổi chính sách" và "chuyển đổi hành động" để đảm bảo hội nhập đi cùng phát triển bền vững và bảo vệ chủ quyền văn hóa, tri thức dân tộc.

2.1.2. Văn hóa trong không gian số và nguy cơ mất bản sắc

Không gian mạng, với đặc trưng là tính kết nối toàn cầu, tốc độ lan truyền nhanh chóng và khả năng tương tác không giới hạn đã trở thành môi trường trung tâm cho việc giao lưu, tiếp biến văn hóa trong kỷ nguyên số. Trong bối cảnh này, các giá trị văn hóa không còn bị giới hạn bởi không gian địa lý hay ranh giới quốc gia mà có thể dễ dàng tiếp cận và ảnh hưởng lẫn nhau thông qua các nền tảng kỹ thuật số. Đây là một xu thế tất yếu trong thời đại toàn cầu hóa, khi tri thức nhân loại và các biểu đạt văn hóa được chia sẻ rộng rãi, vượt khỏi sự kiểm soát của các thiết chế truyền thống như gia đình, nhà trường hay nhà nước. Tuy nhiên, song song với những cơ hội mà không gian mạng mang lại trong việc nâng cao trình độ nhận thức, mở rộng thế giới quan và thúc đẩy sáng tạo văn hóa cũng tồn tại không ít thách thức nghiêm trọng, đặc biệt là nguy cơ xâm thực, làm phai nhạt hoặc thậm chí xóa mờ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Thực tế cho thấy, khi các giá trị văn hóa ngoại lai được tiếp cận một cách ồ ạt, thiếu sự chọn lọc và định hướng từ các chủ thể giáo dục, người học đặc biệt là thế hệ trẻ dễ trở thành đối tượng chịu ảnh hưởng tiêu cực. Văn hóa tiêu dùng thực dụng, xu hướng tôn vinh chủ nghĩa cá nhân cực đoan, các hình thức giải trí mang tính bạo lực, khiêu dâm, vô cảm cùng với các hành vi lệch chuẩn đang ngày càng len lỏi sâu vào đời sống tinh thần của giới trẻ thông qua các nền tảng mạng xã hội, trò chơi trực tuyến, video ngắn và các ứng dụng giải trí. Đây không chỉ là biểu hiện của sự lệch chuẩn về thị hiếu và hành vi mà còn là dấu hiệu cảnh báo về sự xói mòn nền tảng giá trị đạo đức và nhân văn truyền thống, vốn được hình thành và hun đúc qua nhiều thế hệ. Đặc biệt, các yếu tố văn hóa dân tộc, từ tiếng nói, chữ viết, trang phục, phong tục tập quán, nghệ thuật dân gian cho đến các tri thức bản địa đang đứng trước nguy cơ bị lu mờ trong một không gian số vốn dĩ đang bị thống trị bởi các nội dung mang tính toàn cầu hóa. Khi các giá trị văn hóa truyền thống không được chuyển hóa sang dạng thức số hóa, tức là không được đưa lên môi trường mạng bằng hình thức phù hợp với đặc điểm tiếp nhận của người dùng hiện đại thì chúng không chỉ mất đi khả năng truyền thụ cho thế hệ sau mà còn có nguy cơ bị lãng quên hoặc bị thay thế bởi những giá trị phi truyền thống [6, tr. 39]. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có chiến lược bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong kỷ nguyên số một cách chủ động, khoa học và sáng tạo.

Do đó, giáo dục trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư không thể chỉ đóng vai trò là công cụ truyền tải tri thức theo lối truyền thống mà phải đảm nhận đồng thời hai chức năng trọng yếu: một mặt, giúp người học tiếp cận và hội nhập với tri thức toàn cầu, phát triển tư duy phản biện, năng lực số và năng lực thích ứng với xã hội tri thức; mặt khác, phải là nền tảng vững chắc trong việc nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc, củng cố bản sắc văn hóa, và hình thành hệ giá trị phù hợp với truyền thống dân tộc trong điều kiện mới. Nói cách khác, giáo dục trong kỷ nguyên số cần được tổ chức như

một quá trình “kép”: vừa mang tính toàn cầu hóa, vừa giữ được sự nội sinh văn hóa. Điều này không chỉ đòi hỏi sự đổi mới nội dung, phương pháp và môi trường giáo dục mà còn cần đến sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội và các chủ thể quản lý văn hóa, từ đó tạo nên một không gian giáo dục bền vững, nơi giá trị truyền thống và tinh thần thời đại được hòa quyện, bổ sung và làm giàu lẫn nhau. Như vậy, không gian mạng vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với công cuộc giáo dục và bảo vệ văn hóa dân tộc trong thời đại số. Việc xây dựng một nền giáo dục có năng lực thích ứng cao, có khả năng dẫn dắt người học hội nhập quốc tế mà không bị đánh mất căn tính văn hóa chính là nhiệm vụ chiến lược của mọi quốc gia hiện nay, trong đó, Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ.

2.2. Đổi mới giáo dục vì sự phát triển bền vững trong thời đại số

Ngày 31/12/2024 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1705/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chiến lược nêu rõ quan điểm: “Chủ động hội nhập quốc tế và tiếp thu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới, đặc biệt là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo để hiện đại hóa giáo dục [7, tr. 6].

2.2.1. Giáo dục là động lực trung tâm cho phát triển bền vững

Năm 2015, Liên Hợp Quốc đã đưa ra 17 mục tiêu cho phát triển bền vững (SDGs); trong đó, Giáo dục chất lượng (SDG4) được xem là nền tảng và công cụ thực hiện tất cả các mục tiêu còn lại. Giáo dục không chỉ tạo ra nguồn nhân lực mà còn định hình công dân có trách nhiệm, tư duy phản biện và năng lực thích nghi. Tuy thế, trong kỷ nguyên số, giáo dục muốn đóng vai trò thúc đẩy phát triển bền vững thì phải đổi mới cả về triết lý, từ “truyền thụ kiến thức” sang “kiến tạo năng lực thích nghi và hành động có trách nhiệm”. Cùng với đổi mới về triết lý là đổi mới mục tiêu giáo dục, từ “đào tạo chuyên môn” sang “phát triển toàn diện, liên ngành và bền vững”. Đồng thời với việc đổi mới về triết lý, mục tiêu là không ngừng đổi mới về phương pháp, từ “tập trung vào giáo viên” sang “lấy người học làm trung tâm”, “dạy học số và cá nhân hóa”. Điều này đòi hỏi sự tái thiết giáo dục chứ không đơn thuần là cải tiến kỹ thuật dạy học.

2.2.2. Giáo dục vì phát triển bền vững (ESD) trong bối cảnh số hóa

Khái niệm “Giáo dục vì phát triển bền vững” (Education for Sustainable Development - ESD) do UNESCO khởi xướng từ đầu thập niên 2000, đến nay đã được tích hợp trong nhiều chính sách giáo dục toàn cầu. Bản chất của ESD là giúp người học hiểu và hành động được trong các vấn đề như môi trường, bình đẳng, tiêu dùng, biến đổi khí hậu, công dân toàn cầu và văn hóa bản địa. Trong bối cảnh số hóa, ESD không thể tách rời công nghệ giáo dục. Các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và hệ thống học tập mở (LMS, MOOCs) có thể: - Mở rộng tiếp cận đến những nhóm học sinh vùng sâu, vùng xa (qua lớp học ảo, video giảng dạy); - Thiết kế bài học mô phỏng các vấn đề xã hội (game học tập về rác thải, biến đổi khí hậu...); - Tăng khả năng tương tác văn hóa đa chiều qua công cụ học tập liên quốc gia. Tuy nhiên, cảnh báo về nguy cơ “công nghệ hóa giáo dục” mà không gắn với các giá trị nhân văn và văn hóa bản địa dẫn đến rối loạn mục tiêu ESD (Selby & Kagawa, 2010).

2.2.3. Nâng cao năng lực số cho đội ngũ giáo viên và người học

Tại Việt Nam, theo kết quả khảo sát của Bộ GD&ĐT năm 2022 cho thấy, gần 68% giáo viên bậc phổ thông chưa có năng lực thiết kế bài giảng số độc lập, khoảng 70% học sinh chưa có kỹ năng học tập trực tuyến hiệu quả, thiếu kỹ năng an toàn thông tin [1, tr. 8]. Vì vậy, đổi mới giáo dục vì sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên số đòi hỏi: - Đào tạo lại giáo viên theo hướng tích hợp kỹ năng số, năng lực liên ngành, tư duy phản biện và sáng tạo; - Thiết lập chương trình “công dân số” từ bậc phổ thông, trang bị kiến thức pháp luật, đạo đức và văn hóa số; - Phát triển kho học liệu mở, chia sẻ nội dung học thuật chất lượng, mang bản sắc Việt Nam và đạt chuẩn quốc tế. Đây là những bước đi cần thiết nếu Việt Nam muốn chuyển từ “thụ hưởng công nghệ giáo dục” sang “chủ động kiến tạo hệ sinh thái giáo dục số bền vững”.

2.3. Giáo dục văn hóa trong kỷ nguyên số, từ bản sắc đến sáng tạo

2.3.1. Văn hóa là nền tảng của giáo dục và phát triển

Từ rất sớm, UNESCO đã khẳng định: “Văn hóa là yếu tố nội tại của phát triển”. Văn hóa không chỉ là đối

tượng dạy học mà còn là nền tảng tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ cho toàn bộ quá trình giáo dục. Trong bối cảnh số, việc bảo tồn, giáo dục và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, địa phương càng trở nên cấp thiết khi giới trẻ ngày càng bị cuốn vào không gian mạng toàn cầu. Ở Việt Nam, nhiều giá trị truyền thống như ca dao, tục ngữ, tín ngưỡng bản địa, nghệ thuật truyền thống (chèo, tuồng, cải lương...), phong tục lễ hội... chưa được tích hợp hiệu quả vào nội dung giáo dục hiện đại và càng ít có mặt trên các nền tảng số.

2.3.2. Chuyển đổi số và “kỹ thuật hóa” di sản văn hóa

Việc ứng dụng công nghệ số vào bảo tồn văn hóa đang mở ra xu hướng mới gọi là “kỹ thuật hóa di sản” (digital heritage), bao gồm: Số hóa tài liệu, hình ảnh, vật thể văn hóa, tạo kho dữ liệu mở (Open Cultural Data); Trình bày di sản bằng thực tế ảo, mô phỏng lịch sử, làm tăng trải nghiệm học tập; Tổ chức trò chơi giáo dục, tương tác đa phương tiện giúp học sinh hiểu và yêu thích văn hóa dân tộc.

Trong thời gian gần đây, một số quốc gia có nền kinh tế, khoa học kỹ thuật phát triển đã rất thành công với mô hình này, chẳng hạn như Nhật Bản (bảo tàng Edo, Tokyo), Hàn Quốc (Hệ thống K-MOOC về văn hóa truyền thống). Tiếp thu kinh nghiệm của các nước phát triển, Việt Nam cũng đã bắt đầu có một số dự án khởi động (dự án “Số hóa Chèo cổ”, “Truyện Kiều AR/VR”, Số hóa Ca Huế,...) nhưng vẫn còn manh mún, thiếu chiến lược tổng thể.

2.3.3. Mô hình giáo dục văn hóa trà Thái Nguyên

Một ví dụ điển hình là dự án giáo dục liên ngành “Trà Thái Nguyên, từ bản sắc đến thương hiệu”, do Sở GD&ĐT Thái Nguyên triển khai thử nghiệm vào năm 2023. Đây là một sáng kiến mới trong việc kết nối giáo dục với thực tiễn phát triển kinh tế - văn hóa địa phương, bước đầu đã thu được những kết quả tích cực và gợi mở nhiều hướng đi triển vọng. Dự án này không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ kiến thức một chiều cho học sinh mà đã tạo nên một môi trường học tập mở, nơi học sinh được tiếp cận, trải nghiệm, tương tác và sáng tạo, từ đó phát huy tối đa năng lực cá nhân cũng như khơi dậy niềm tự hào về bản sắc quê hương, cụ thể:

Dự án đã xây dựng chương trình dạy học tích hợp, kết nối nhiều lĩnh vực khác nhau như lịch sử, địa lý, nông nghiệp, kinh tế và văn hóa. Học sinh được tìm hiểu về lịch sử vùng trà Thái Nguyên, quy trình canh tác và chế biến trà cũng như những giá trị văn hóa đặc sắc gắn liền với nghệ thuật thưởng trà của người Việt. Cách tiếp cận này giúp các em thấy rằng tri thức không tách rời mà gắn liền với đời sống, từ đó hình thành tư duy liên ngành và khả năng kết nối kiến thức.

Dự án đã tổ chức các tour học tập trải nghiệm tại làng trà, đưa học sinh đến với không gian thực tế của nghề trồng và chế biến trà. Bên cạnh trải nghiệm trực tiếp, công nghệ số cũng được đưa vào hỗ trợ mạnh mẽ thông qua việc sử dụng video 360°, podcast và các hình thức tương tác trực tuyến với nghệ nhân. Sự kết hợp giữa trải nghiệm thực tế và công nghệ hiện đại đã mở ra cho học sinh một “cánh cửa kép”: vừa tiếp xúc trực tiếp với di sản văn hóa sống, vừa có khả năng tái hiện, lưu giữ và chia sẻ những trải nghiệm đó trên không gian số.

Học sinh được khuyến khích sáng tạo các sản phẩm truyền thông nhằm lan tỏa giá trị của trà Thái Nguyên. Từ việc thiết kế logo, xây dựng thương hiệu, đến kể chuyện về trà bằng infographic hoặc các công cụ số, các em vừa rèn luyện kỹ năng mềm, vừa hình thành ý thức về trách nhiệm gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa địa phương. Đây cũng là bước khởi đầu cho việc hình thành những thế hệ công dân số có khả năng sử dụng công nghệ để kết nối truyền thống với hiện đại, đưa giá trị bản địa vươn tầm thế giới.

Có thể nói, dự án “Trà Thái Nguyên, từ bản sắc đến thương hiệu” là minh chứng sinh động cho cách mà giáo dục và văn hóa có thể song hành, bổ sung cho nhau trong thời đại số không chỉ góp phần đổi mới phương pháp dạy học, dự án còn mở ra hướng tiếp cận mới cho giáo dục phổ thông ở Việt Nam: gắn tri thức sách vở với thực tiễn, kết hợp di sản văn hóa với công nghệ hiện đại, từ đó khơi dậy niềm tự hào dân tộc và năng lực hội nhập quốc tế ở thế hệ trẻ.

2.4. Đề xuất một số định hướng chính sách và chương trình hành động

2.4.1. Đối với cấp độ quốc gia

Nhà nước cần tiến hành xây dựng Chiến lược giáo dục, văn hóa số quốc gia gắn với phát triển bền

vững (hướng đến tầm nhìn dài hạn vào năm 2045) và lồng ghép trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, nhanh chóng thành lập Trung tâm Dữ liệu Văn hóa số quốc gia làm nền tảng chia sẻ, học tập và nghiên cứu đa ngành giữa giáo dục, văn hóa, công nghệ và doanh nghiệp. Bên cạnh đó cần sớm ban hành khung pháp lý rõ ràng cho các hoạt động giáo dục, văn hóa trong môi trường số: kiểm định nội dung, bản quyền di sản số, chuẩn hóa học liệu số văn hóa.

2.4.2. Đối với cấp độ nhà trường

Cơ sở giáo dục phải triển khai thiết kế các chương trình học tích hợp theo hướng liên ngành giáo dục - văn hóa - công nghệ và sử dụng mô hình học tập trải nghiệm như phương pháp dự án, sáng tạo xã hội. Đồng thời, đào tạo lại đội ngũ giáo viên theo hướng “giáo viên công dân số”, có năng lực công nghệ, tư duy liên ngành và khả năng giáo dục văn hóa, đạo đức trong môi trường số. Ngoài ra, tiến hành thiết lập mạng lưới trường học văn hóa số, nơi các giá trị truyền thống được “hiện đại hóa” qua công nghệ để trở thành nội dung học tập sống động.

2.4.3. Đối với cộng đồng xã hội và học sinh, sinh viên

Trước hết, phải tổ chức các phong trào thanh niên khởi nghiệp văn hóa số, sản xuất nội dung sáng tạo về di sản, văn hóa địa phương, góp phần quảng bá quốc gia số. Bên cạnh đó, cần xây dựng các chương trình giáo dục công dân số toàn diện, trang bị năng lực tự học, tự phản biện và năng lực sống đa văn hóa trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. Đồng thời, có cơ chế khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu về văn hóa truyền thống kết hợp công nghệ như làm podcast, game hóa lịch sử, bảo tồn di sản bằng AI...

3. Kết luận

Kỷ nguyên số không chỉ là một tiến trình công nghệ mà là sự tái cấu trúc toàn diện của đời sống xã hội loài người, nơi mà tri thức được số hóa, thông tin trở thành tài sản cốt lõi và công nghệ là động lực thúc đẩy tăng trưởng. Trong bối cảnh đó, giáo dục và văn hóa bao gồm hai lĩnh vực vốn là nền tảng cho sự phát triển con người đang đứng trước những cơ hội lớn lao và đồng thời với những thách thức chưa từng có. Vì vậy, giáo dục trong kỷ nguyên số cần được tái định hình theo hướng linh hoạt, cá nhân hóa, số hóa và tích hợp với các mục tiêu phát triển bền vững. Triết lý giáo dục cần chuyển từ “truyền đạt” sang “kiến tạo”, từ “tập trung vào kiến thức” sang “phát triển năng lực hành động và trách nhiệm xã hội”. Văn hóa trong không gian số vừa là đối tượng cần bảo tồn, vừa là nguồn lực để đổi mới giáo dục. Tư duy “kỹ thuật hóa di sản”, kết hợp giữa truyền thống và công nghệ, có thể mở ra hình thức giáo dục sáng tạo, bền vững và giàu bản sắc dân tộc.

Ở Việt Nam trong quá trình đẩy mạnh hội nhập sâu rộng vào toàn cầu, chúng ta có cơ hội rút ngắn khoảng cách phát triển nếu biết tận dụng công nghệ để nâng cao năng lực hệ thống giáo dục, đồng thời giữ vững cội rễ văn hóa như bản sắc sống còn của dân tộc. Do đó, giáo dục và văn hóa trong kỷ nguyên số cần được nhìn nhận là hai trụ cột chiến lược có tính chất tương hỗ, tích hợp và định hướng dài hạn cho sự phát triển bền vững của quốc gia trong thế kỷ XXI.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Báo cáo tổng kết chuyển đổi số ngành Giáo dục năm học 2021-2022*, Hà Nội.
- [2] Bộ Thông tin và Truyền thông (2023). *Quyết định số 483/QĐ-BTTTT, ngày 29/03/2023 Ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg và Quyết định số 942/QĐ-TTg*
- [3] *Chuyển đổi số trong giáo dục: Thực trạng, vai trò và giải pháp*. Nguồn: <https://www.pace.edu.vn/tin-kho-tri-thuc/chuyen-doi-so-trong-giao-duc>.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 1)*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [5] Floridi, L. (2014). *The Fourth Revolution: How Information is Reshaping Human Reality*. Oxford University Press.
- [6] Nguyễn Thị Hiền (2020). *Văn hóa dân tộc trong môi trường số: Cơ hội và thách thức*. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 431.
- [7] Thủ tướng Chính phủ (2024). *Quyết định số 1705/QĐ-TTg, ngày 31/12/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.